



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thông tin chung

Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng

91/GCN-UBCK cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng

31/GCN-UBCK cấp ngày 2 tháng 3 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng đã được điều chỉnh bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng số 05/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng và giấy chứng nhận điều chỉnh được cấp bởi Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước với thời gian hoạt động không xác định.

Ban Đại diện Quỹ

Ông Hoàng Kiên

Chủ tịch

(từ ngày 19 tháng 1 năm 2023)

Ông Trần Đắc Sinh

Chủ tịch

(đến ngày 18 tháng 1 năm 2023)

Bà Vương Thị Hoàng Yến

Thành viên

Ông Đặng Việt Hưng

Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

Trụ sở đăng ký

Lầu 15, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 (“Thông tư 198”) do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính và danh mục của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198, các quy định có liên quan của Thông tư 98 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam cam kết rằng Công ty Quản lý Quỹ đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (“Quỹ”) được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm kết thúc cùng ngày, giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ tăng 22,82%, trong khi NAV trên một chứng chỉ quỹ (“CCQ”) tăng 21,97% so với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ là kết hợp linh hoạt chiến lược đầu tư giá trị với đầu tư tăng trưởng. Quỹ theo đuổi chiến lược đầu tư dài hạn, tập trung phân tích các yếu tố cơ bản và giá trị doanh nghiệp.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty hiện đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam có vốn hóa trung bình và lớn ở tất cả ngành nghề. Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội đầu tư đến từ xu hướng tăng trưởng dài hạn của cơ cấu dân số, quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế sang tư nhân và cổ phần hóa, và sự cải thiện về quản trị doanh nghiệp và quy định pháp lý minh bạch theo chuẩn mực quốc tế. Danh mục chứng khoán của quỹ có thể nắm tỷ lệ tập trung tại một số công ty ở một vài ngành nghề cụ thể.

Quỹ được phép đầu tư vào các loại tài sản như sau: Tiền gửi tại ngân hàng thương mại, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu chính phủ, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết của các doanh nghiệp, chứng khoán phái sinh niêm yết và các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.

4. Phân loại của Quỹ

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn cao.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 31/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 3 năm 2018.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)



8. Quy mô Quỹ tại ngày lập báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 305.938.819,98 chứng chỉ quỹ
- Tổng giá trị chứng chỉ quỹ theo mệnh giá: 3.059.388.199.800 VND
- Tổng giá trị tài sản ròng: 4.077.702.574.486 VND
- Giá trị tài sản ròng của một đơn vị CCQ: 13.328,49 VND

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ không phân phối lợi nhuận của Quỹ. Toàn bộ lợi nhuận tạo ra từ hoạt động của Quỹ sẽ được tích lũy làm tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

Cơ cấu tài sản của Quỹ	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2021
	(%)	(%)	(%)
Danh mục chứng khoán	95,82%	98,02%	98,89%
Tài sản khác	4,18%	1,98%	1,11%
Total	100,00%	100,00%	100,00%

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2. Chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu		31/12/2023	31/12/2022	31/12/2021
2.1.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	4.077.702.574.486	3.319.991.546.358	5.401.131.696.403
2.2.	Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (Chứng chỉ quỹ)	305.938.819,98	303.807.914,23	368.787.914,23
2.3.	Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (VND)	13.328,49	10.927,92	14.645,63
2.4.	Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ cao nhất trong kỳ (VND)	14.175,88	15.695,90	14.653,10
2.5.	Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ thấp nhất trong kỳ (VND)	10.715,43	9.561,90	9.548,82
2.9.	Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (So với kỳ trước) (%)	21,97%	(25,38%)	53,38%
2.9.1.	Tăng trưởng vốn /1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) (%)	17,75%	(19,05%)	15,84%
2.9.2.	Tăng trưởng thu nhập /1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (%)	4,22%	(6,33%)	37,54%
2.13.	Chi phí hoạt động của Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân (%)	0,86%	1,29%	1,33%
2.14.	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	157,22%	168,32%	168,48%

3. Tăng trưởng qua các kỳ

Kỳ	Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (%)	Tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ hàng năm (%)
- 1 năm (31/12/2022 – 31/12/2023)	21,97%	21,97%
- 3 năm (31/12/2020 – 31/12/2023)	39,58%	11,76%
- Từ khi thành lập (2/3/2018 – 31/12/2023)	33,28%	5,06%

4. Tăng trưởng hàng năm

Kỳ	31/12/2023 (%)	31/12/2022 (%)	31/12/2021 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng NAV/ Chứng chỉ quỹ (%)	21,97%	(25,38%)	53,38%

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

III. Mô tả thị trường

VN-Index tăng 3,3% trong tháng 12, đóng cửa ngày 31 tháng 12 năm 2023 tại mức 1.129,93 điểm, tăng 12,2% so với đầu năm 2023. Thanh khoản trung bình của VN-Index trong năm 2023 là hơn 15.237 tỷ VND, tăng 1,6% so với năm 2022.

Những điểm chính của thị trường chứng khoán trong năm 2023:

- i) Tâm lý nhà đầu tư cá nhân đã được cải thiện sau sự suy yếu của chỉ số USD Index (DXY) và Cục Dự trữ Liên bang (FED) cho thấy dấu hiệu của việc kết thúc chu kỳ tăng lãi suất;
- ii) Các cổ phiếu thuộc những doanh nghiệp có mức vốn hóa ở mức trung bình (nhóm mid-cap) có hệ số Beta cao đã ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng;
- iii) Ngân hàng Nhà nước cắt giảm lãi suất để mở rộng chính sách tiền tệ; và
- iv) Luật Nhà ở được thông qua đã mang lại lợi ích tích cực cho các doanh nghiệp bất động sản.

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

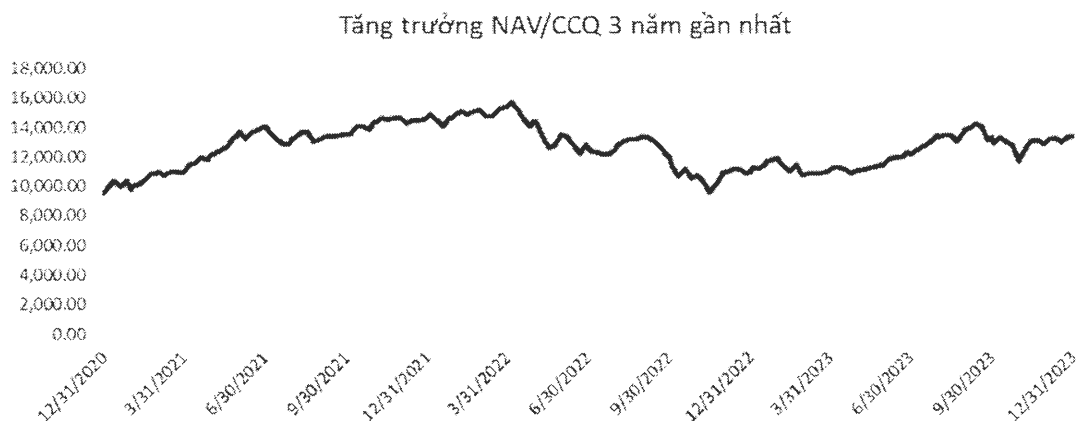
1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 CCQ	4,22%	40,43%	42,98%
Tăng trưởng vốn/1 CCQ	17,75%	(0,85%)	(9,69%)
Tổng tăng trưởng NAV/1 CCQ	21,97%	39,58%	33,28%
Tổng tăng trưởng NAV hàng năm/1 CCQ (%)	21,97%	11,76%	5,06%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (*)	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 CCQ (**)	Không có	Không có	Không có

(*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(**) Quỹ không có giá trị thị trường.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)



▪ Thay đổi Giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND	Tỷ lệ thay đổi %
	[1]	[2]	[3]=([1]-[2])/[2]
Giá trị tài sản ròng	4.077.702.574.486	3.319.991.546.358	22,82%
Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ	13.328,49	10.927,92	21,97%

Trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ tăng 21,97% nhờ các cổ phiếu trong danh mục Quỹ đạt tăng trưởng tốt. Ngoài ra, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cũng tăng 22,82% trong cùng kỳ nhờ phát hành thêm chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày báo cáo

Quy mô nắm giữ (Số lượng chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	11	24.500,00	0,008%
Từ 5.000 đến dưới 10.000	3	15.500,00	0,005%
Từ 10.000 đến dưới 50.000	1	12.000,00	0,004%
Từ 50.000 đến dưới 500.000	1	50.000,00	0,016%
Từ 500.000 trở lên	3	305.836.819,98	99,967%
Tổng	19	305.938.819,98	100,00%

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**



V. Thông tin về triển vọng thị trường

GDP năm 2023 tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2023. Các nền kinh tế lớn trên thế giới vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc khôi phục tăng trưởng. Xu hướng này được dự đoán sẽ tiếp tục tăng trong 3 đến 6 tháng tới trong năm 2024 khi tiêu dùng toàn cầu vẫn chưa cho thấy sự phục hồi rõ rệt. Tuy nhiên, các nền kinh tế lớn đang ở các chu kỳ kinh tế khác nhau (Châu Âu chậm lại, Trung Quốc mở cửa), nên Việt Nam với thị trường xuất khẩu ngày càng đa dạng có thể được hưởng lợi từ điều này. Chúng tôi dự đoán xuất khẩu của Việt Nam sẽ tăng trưởng từ 8% đến 10% trong năm 2024, tương đương tốc độ trung bình trong giai đoạn hồi phục. Hiệu ứng từ các hiệp định thương mại và việc củng cố các quan hệ song phương gần đây, bao gồm việc nâng cấp quan hệ ngoại giao với Nhật Bản lên mức cao nhất “ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC TOÀN DIỆN” trong tháng 11 năm 2023, sẽ là động lực thúc đẩy trong việc cải thiện dòng chảy thương mại hàng hóa và thiết lập chuỗi cung ứng tại Việt Nam.

VI. Thông tin khác

1. Thông tin về nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Nhân sự điều hành của Quỹ gồm có:

- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Thạc sỹ Kinh tế. Bà giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ năm 2010 đến ngày 12 tháng 3 năm 2021 và từ ngày 13 tháng 3 năm 2021 đến nay là Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.
- Ông Nguyễn Sang Lộc, Cử nhân Tài chính. Ông giữ chức vụ Chuyên viên nghiên cứu cấp cao của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ ngày 16 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến nay là Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

Ban Đại diện Quỹ gồm có:

- Ông Hoàng Kiên, Chủ tịch, Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Tài chính. Ông giữ chức vụ Chuyên viên phụ trách Hợp đồng dịch vụ dầu khí tại Petro Vietnam Petechim từ năm 1992 đến năm 1997, Phân tích quản lý danh mục Đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam từ năm 2000 đến năm 2015, và là Tư vấn Tài chính tự do từ năm 2015 đến nay.
- Bà Vương Thị Hoàng Yến, Thành viên, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán. Bà từng là Kế toán trưởng Công ty TNHH Minh Thắng từ tháng 8 năm 2004 đến tháng 11 năm 2007, Trưởng phòng kiểm toán Công ty Kiểm toán AS từ năm 2007 đến năm 2012, Giám đốc kiểm toán Công ty Hợp danh Kiểm toán FA từ năm 2012 đến năm 2013, giữ chức vụ Kiểm toán viên, Giám đốc kiểm toán tại Công ty Kiểm toán Đại Tín từ năm 2013 đến tháng 9 năm 2016, giữ chức vụ Kiểm toán viên, Giám đốc kiểm toán tại Chi nhánh Công ty Kiểm toán Đại Tín từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 8 năm 2019, và hiện là Giám đốc nghiệp vụ của Công ty TNHH Kiểm toán Chuẩn Vàng từ năm 2019 đến nay.

Quý Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

- Ông Đặng Việt Hưng, Thành viên, Cử nhân Luật, Luật sư. Ông từng là Trợ lý pháp lý Bộ phận chuyên môn Công ty Luật TNHH Phương Bắc và Cộng Sự từ tháng 10 năm 2014 đến tháng 6 năm 2016, Cộng sự Bộ phận chuyên môn Công ty Luật TNHH RHTLaw Taylor Wessing Việt Nam từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 9 năm 2019, Luật sư Cộng sự của Công ty Luật TNHH RHTLaw Vietnam từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022 và hiện là Chuyên viên Pháp lý và Tuân thủ của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ gồm có:

- Ông Beat Schurch, Tổng Giám đốc, Thạc sỹ Kinh tế. Ông là Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam từ ngày 30 tháng 12 năm 2020 đến nay.

2. Thông tin khác

Các số liệu và thông tin liên quan trình bày tại báo cáo này được dựa vào kết quả của báo cáo tài chính đã kiểm toán.

Trong báo cáo này, các chỉ tiêu không trình bày được hiểu là không áp dụng hoặc số dư bằng không.



Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Nguyễn Thuý Linh

Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Tôi, Vương Thị Hoàng Yến, Thành viên Ban Đại diện Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Bà Vương Thị Hoàng Yến
Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 14 đến trang 55.

Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 (“Thông tư 198”) do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00326-24-1



Triệu Tích Quyên
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2024

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B01 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
I	THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01		811.055.805.680	(1.272.242.918.914)
1.1	Cổ tức được chia	02	13	58.502.648.400	37.444.311.980
1.2	Tiền lãi được nhận	03	14	928.458.430	1.105.936.596
1.3	Lãi/(lỗ) từ bán các khoản đầu tư	04	15	130.758.829.953	(261.750.290.939)
1.4	Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	16	620.865.868.897	(1.049.042.876.551)
II	CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10		16.416.196.152	19.773.847.959
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	17	16.416.196.152	19.773.847.959
III	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	20		32.751.257.900	38.895.013.572
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	22	28.517.578.893	34.086.872.049
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	18	1.649.598.699	1.842.448.050
3.3	Phí dịch vụ giám sát Quỹ	20.3	22	836.515.648	999.881.578
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	22	1.045.644.560	1.252.938.813
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyên nhượng	20.5		133.100.000	133.100.000
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8	20	209.000.000	197.130.000
3.10	Chi phí hoạt động khác	20.10	19	359.820.100	382.643.082
IV	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 - 10 - 20)	23		761.888.351.628	(1.330.911.780.445)
VI	TỔNG LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)	30		761.888.351.628	(1.330.911.780.445)
6.1	Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	31	12	141.022.482.731	(281.868.903.894)
6.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	32	12	620.865.868.897	(1.049.042.876.551)
VIII	LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TRONG NĂM (41 = 30)	41		761.888.351.628	(1.330.911.780.445)

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:

ngoc

Bà Nguyễn Thu Ngọc
Kế toán quỹ

Người soát xét:

phuong

Bà Ninh Thị Tuệ Minh
Trưởng phòng Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B02 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
I	TÀI SẢN				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	110	4	137.404.877.134	47.318.902.649
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		137.404.877.134	47.318.902.649
2	Các khoản đầu tư	120		3.991.219.145.050	3.297.998.348.400
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	3.991.219.145.050	3.297.998.348.400
3	Các khoản phải thu	130		36.523.233.000	19.297.750.000
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131	6	31.542.333.000	15.821.650.000
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		4.980.900.000	3.476.100.000
3.2.2	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	136	7	4.980.900.000	3.476.100.000
	TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)	100		4.165.147.255.184	3.364.615.001.049
II	NỢ PHẢI TRẢ				
1	Phải trả về mua các khoản đầu tư	312	8	84.305.880.000	41.952.140.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		-	23.776.764
6	Chi phí phải trả	316	9	278.281.952	246.660.685
9	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	10	2.859.927.496	2.400.877.242
10	Phải trả khác	320		591.250	-
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 312 + 314 + 316 + 319 + 320)	300		87.444.680.698	44.623.454.691

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B02 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
III	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)	400		4.077.702.574.486	3.319.991.546.358
1	Vốn góp của Nhà đầu tư	411	11	3.059.388.199.800	3.038.079.142.300
1.1	Vốn góp phát hành	412		3.973.046.800.800	3.745.437.743.300
1.2	Vốn góp mua lại	413		(913.658.601.000)	(707.358.601.000)
2	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414	11	(680.453.608.511)	(654.967.227.511)
3	Lợi nhuận chưa phân phối	420	12	1.698.767.983.197	936.879.631.569
IV	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (430 = 400/004)	430	11	13.328,49	10.927,92
VI	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			31/12/2023 CCQ	31/12/2022 CCQ
1	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004	11	305.938.819,98	303.807.914,23

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:

ngn

Bà Nguyễn Thu Ngọc
Kế toán quỹ

Người soát xét:

pea

Bà Ninh Thị Tuệ Minh
Trưởng phòng Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B03 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	2023 VND	2022 VND
I	Giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ đầu năm	3.319.991.546.358	5.401.131.696.403
II	Thay đổi NAV của Quỹ trong năm	761.888.351.628	(1.330.911.780.445)
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	761.888.351.628	(1.330.911.780.445)
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(4.177.323.500)	(750.228.369.600)
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	254.000.000.000	-
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(258.177.323.500)	(750.228.369.600)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối năm (IV = I + II + III)	4.077.702.574.486	3.319.991.546.358

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:

Bà Nguyễn Thu Ngọc
Kế toán quỹ

Người soát xét:

Bà Ninh Thị Tuệ Minh
Trưởng phòng Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Beat Scihurch
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B04 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2023 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2023 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	Cổ phiếu niêm yết			3.991.219.145.050	95,82%
1	ACB	6.527.615	23.900	156.009.998.500	3,75%
2	BID	2.177.300	43.400	94.494.820.000	2,27%
3	CTG	5.623.390	27.100	152.393.869.000	3,66%
4	DCM	3.782.000	32.400	122.536.800.000	2,94%
5	DGC	1.910.300	94.400	180.332.320.000	4,33%
6	FPT	4.444.838	96.100	427.148.931.800	10,26%
7	FRT	1.251.600	107.000	133.921.200.000	3,22%
8	GMD	1.917.100	70.500	135.155.550.000	3,24%
9	HPG	7.291.300	27.950	203.791.835.000	4,89%
10	HSG	6.345.600	22.800	144.679.680.000	3,47%
11	IDC	2.740.500	52.100	142.780.050.000	3,43%
12	KBC	2.796.166	31.750	88.778.270.500	2,13%
13	KDH	3.968.420	31.400	124.608.388.000	2,99%
14	MBB	11.015.753	18.650	205.443.793.450	4,93%
15	MWG	5.860.900	42.800	250.846.520.000	6,02%
16	NLG	3.231.100	36.650	118.419.815.000	2,84%
17	PDR	4.094.400	27.850	114.029.040.000	2,74%
18	PNJ	2.400.326	86.000	206.428.036.000	4,96%
19	PVD	5.098.200	28.300	144.279.060.000	3,46%
20	PVS	2.063.900	38.000	78.428.200.000	1,88%
21	SSI	5.170.700	32.800	169.598.960.000	4,07%
22	STB	6.346.400	27.950	177.381.880.000	4,26%
23	TCB	5.469.000	31.800	173.914.200.000	4,18%
24	VCB	1.537.826	80.300	123.487.427.800	2,96%
25	VND	5.498.000	22.250	122.330.500.000	2,94%

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B04 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Loại tài sản	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2023 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
V	Các tài sản khác	36.523.233.000	0,88%
1	Tiền lãi và cổ tức phải thu	4.980.900.000	0,12%
2	Phải thu về bán các khoản đầu tư	31.542.333.000	0,76%
VI	Tiền gửi ngân hàng	137.404.877.134	3,30%
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	137.404.877.134	3,30%
VII	Tổng giá trị danh mục	4.165.147.255.184	100,00%

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:

ngn

Bà Nguyễn Thu Ngọc
 Kế toán quỹ

Người soát xét:

ngn

Bà Ninh Thị Tuệ Minh
 Trưởng phòng Kế toán Quỹ

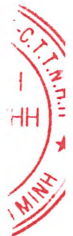
Người duyệt:



Ông Beat Schurch
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)



Mẫu B05 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	2023 VND	2022 VND
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	761.888.351.628	(1.330.911.780.445)
2	Các khoản điều chỉnh:	02	(620.859.068.897)	1.049.075.876.551
	Chênh lệch (tăng)/giảm thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03	(620.865.868.897)	1.049.042.876.551
	Tăng chi phí trích trước	04	6.800.000	33.000.000
3	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	05	141.029.282.731	(281.835.903.894)
	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư	20	(72.354.927.753)	1.014.602.082.849
	(Tăng)/giảm phải thu bán các khoản đầu tư	06	(15.720.683.000)	11.086.395.000
	(Tăng)/giảm tiền lãi và cổ tức phải thu	07	(1.504.800.000)	499.394.000
	Tăng phải trả mua các khoản đầu tư	10	42.353.740.000	25.407.540.000
	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	(23.776.764)	23.661.357
	Tăng chi phí phải trả, phải nộp khác	16	25.412.517	9.481.717
	Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	17	459.050.254	(1.367.275.748)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	19	94.263.297.985	768.425.375.281
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	31	254.000.000.000	-
2	Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	32	(258.177.323.500)	(750.228.369.600)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30	(4.177.323.500)	(750.228.369.600)
III	TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM (40 = 19 + 30)	40	90.085.974.485	18.197.005.681



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp) – (tiếp theo)

Mẫu B05 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Mã số	2023 VND	2022 VND
IV	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	50	47.318.902.649	29.121.896.968
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	52	47.318.902.649	29.121.896.968
V	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	55	137.404.877.134	47.318.902.649
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	57	137.404.877.134	47.318.902.649
VI	Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm (60 = 55 - 50)	60	90.085.974.485	18.197.005.681

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:

ngn

Bà Nguyễn Thu Ngọc
Kế toán quỹ

Người soát xét:

peals

Bà Ninh Thị Tuệ Minh
Trưởng phòng Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Thông tin về Quỹ

(a) Thông tin chung

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (tên trước đây là Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam) (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng số 31/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 3 năm 2018.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 70.798.450.000 Đồng Việt Nam tương đương với 7.079.845 chứng chỉ quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành lần đầu ngày 2 tháng 3 năm 2018, và được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, lần gần nhất vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Chứng chỉ quỹ được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số 91/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017. Theo quy định của giấy phép này, Quỹ được phép phát hành tối thiểu 5.000.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam/chứng chỉ quỹ.

Quỹ đổi tên thành “Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc” theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư bất thường ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2019.

Quỹ không có nhân viên và do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam) (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý. Từ ngày 2 tháng 3 năm 2018, Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) được chỉ định là ngân hàng giám sát và lưu ký của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Lầu 15, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Phường Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh.

(b) Đặc điểm chính về hoạt động của Quỹ

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự tăng trưởng về vốn và thu nhập từ cổ tức trong dài hạn. Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty hiện đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam có nền tảng cơ bản tốt và kỳ vọng tăng trưởng bền vững. Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (“NAV”)

NAV của Quỹ được xác định hàng tuần và hàng tháng. Đối với kỳ định giá hàng tuần, ngày định giá là ngày thứ Tư hàng tuần và là ngày làm việc. Trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ lễ thì ngày định giá sẽ là ngày làm việc liền trước ngày nghỉ lễ đó.

Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ tăng tần suất giao dịch (nếu có) thì các kỳ tính NAV của Quỹ sẽ tăng tương ứng.

Phương pháp xác định NAV của Quỹ

NAV của Quỹ là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ là ngày định giá. Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo trên trang thông tin điện tử của Quỹ và được cập nhật tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không thấp hơn tần suất giao dịch tối thiểu theo quy định pháp luật.

Phân phối thu nhập của Quỹ

Quỹ không phân phối lợi nhuận (bao gồm nhưng không giới hạn bởi cổ tức bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc bằng tài sản). Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 (“Thông tư 198”) do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

- | | |
|---|---------------|
| ▪ Báo cáo thu nhập: | Mẫu B01 - QM; |
| ▪ Báo cáo tình hình tài chính: | Mẫu B02 - QM; |
| ▪ Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ: | Mẫu B03 - QM; |
| ▪ Báo cáo danh mục đầu tư: | Mẫu B04 - QM; |
| ▪ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: | Mẫu B05 - QM; |
| ▪ Các thuyết minh báo cáo tài chính: | Mẫu B06 - QM. |

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản mục được đo lường theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được trình bày tại Thuyết minh 3(c), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

(b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, và không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 3(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong năm.

(i) *Phân loại*

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) *Ghi nhận ban đầu*

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(iii) *Xác định giá trị*

Theo quy định của Thông tư 98, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, giá trị hợp lý được sử dụng để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay Định giá của Quỹ. Việc xác định giá trị của các tài sản của Quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được thực hiện theo các phương pháp xác định giá trị như sau:

Cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết bao gồm cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán công ty đại chúng chưa được niêm yết (“UPCoM”).
 - Cổ phiếu được định giá căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
 - Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng chín mươi (90) ngày tính đến ngày định giá; hoặc
 - Giá mua; hoặc
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
 - Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
 - Các cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết.
- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Mệnh giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

- **Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết):**
 - Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
 - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:
 - + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt;
 - + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 90 ngày trước ngày định giá;
 - + Giá mua;
 - + Giá trị sổ sách;
 - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quyền mua cổ phiếu

Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định bằng hiệu số của giá thị trường của cổ phiếu tại ngày báo cáo và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới. Giá trị của quyền mua cổ phiếu bằng không (0) khi giá thị trường của cổ phiếu tại ngày báo cáo thấp hơn số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua.

(iv) Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư được dừng ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*



(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ sau khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Dự phòng phát sinh trong năm liên quan đến phải thu bán chứng khoán được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập.

Dự phòng phát sinh trong năm liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập.

(e) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(g) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính của Quỹ như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Quỹ nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(h) Thuế

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty Quản lý Quỹ sẽ không giữ lại khoản thuế này và đối tượng này phải có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành.

(i) Vốn góp và thặng dư vốn

Vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ được phân loại là vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ quỹ của Quỹ.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ đã được mua lại bởi các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của Quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ.

Vốn góp mua lại được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày xác nhận hoàn tất giao dịch.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá của chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại và được ghi nhận cùng thời điểm với ghi nhận vốn góp phát hành/vốn góp mua lại.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(j) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện là khoản chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu hoạt động đầu tư và tổng chi phí của Quỹ phát sinh trong năm (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện là tổng giá trị lãi/(lỗ) đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào “Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối” trên báo cáo tình hình tài chính.

(k) Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ vào các ngày giao dịch để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư đang nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có quyền biểu quyết, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ.

Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia Giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(l) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

(ii) Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi Quỹ nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(m) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

(n) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

(o) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Khi xem xét mối quan hệ giữa các bên liên quan cần chú ý tới bản chất mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

(p) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, thu nhập, thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ, và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm trước.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)	137.404.877.134	47.318.902.649
	<hr/>	<hr/>

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty có cổ phiếu nhận đầu tư như được liệt kê tại Báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

	Chênh lệch do đánh giá lại tại ngày 31/12/2023				
	Giá mua VND [1]	Giá thị trường VND [2]	Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	Giá trị đánh giá lại VND [5] = [1] + [3] + [4]
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang giao dịch trên UpCoM	3.607.233.810.530	3.991.219.145.050	424.229.792.271	(40.244.457.751)	3.991.219.145.050
Chênh lệch do đánh giá lại tại ngày 31/12/2022					
	Giá mua VND [1]	Giá thị trường VND [2]	Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	Giá trị đánh giá lại VND [5] = [1] + [3] + [4]
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang giao dịch trên UpCoM	3.534.878.882.777	3.297.998.348.400	118.636.133.192	(355.516.667.569)	3.297.998.348.400

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu về bán các khoản đầu tư

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu về bán các khoản đầu tư	31.542.333.000	15.821.650.000

Phải thu về bán các khoản đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ bán cổ phiếu niêm yết mà các khoản phải thu này sẽ được thanh toán sau hai ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T + 2) theo quy chế hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	4.980.900.000	3.476.100.000

8. Phải trả về mua các khoản đầu tư

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	84.305.880.000	41.952.140.000

Phải trả về mua các khoản đầu tư bao gồm các khoản phải trả để mua cổ phiếu niêm yết mà các khoản phải trả này sẽ được thanh toán sau hai ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T + 2) theo quy chế hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

9. Chi phí phải trả

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phí kiểm toán	138.800.000	132.000.000
Phí môi giới chứng khoán	111.481.952	86.660.685
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	28.000.000	28.000.000
	278.281.952	246.660.685

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

10. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	2.565.305.150	2.140.847.415
Phải trả phí lưu ký tài sản Quỹ	102.612.206	85.633.897
Phải trả phí quản trị Quỹ	94.061.189	78.497.739
Phải trả phí giám sát Quỹ	75.248.951	62.798.191
Phải trả phí giao dịch	11.700.000	22.100.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.859.927.496	2.400.877.242
	<hr/>	<hr/>

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)***11. Vốn góp của Nhà đầu tư**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 31/GCN-UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2018, vốn điều lệ của Quỹ là 70.798.450.000 VND tương ứng với 7.079.845 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 Đồng Việt Nam trên một chứng chỉ quỹ. Do Quỹ hoạt động theo hình thức Quỹ mở nên vốn góp của Quỹ và số lượng chứng chỉ quỹ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp của Nhà đầu tư cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2022 VND	Biến động trong năm VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	374.543.774,33	22.760.905,75	397.304.680,08
Mệnh giá (2)	VND	3.745.437.743.300	227.609.057.500	3.973.046.800.800
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	(554.172.293.300)	26.390.942.500	(527.781.350.800)
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	3.191.265.450.000	254.000.000.000	3.445.265.450.000
Vốn góp mua lại				
Số lượng (5)	CCQ	(70.735.860,10)	(20.630.000,00)	(91.365.860,10)
Mệnh giá (6)	VND	(707.358.601.000)	(206.300.000.000)	(913.658.601.000)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	(100.794.934.211)	(51.877.323.500)	(152.672.257.711)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(808.153.535.211)	(258.177.323.500)	(1.066.330.858.711)
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)	CCQ	303.807.914,23	2.130.905,75	305.938.819,98
Giá trị vốn góp của nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)	VND	3.038.079.142.300	21.309.057.500	3.059.388.199.800
Tổng thặng dư vốn góp (11) = (3) + (7)	VND	(654.967.227.511)	(25.486.381.000)	(680.453.608.511)
Lợi nhuận chưa phân phối (12)	VND	936.879.631.569	761.888.351.628	1.698.767.983.197
NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)	VND	3.319.991.546.358	Không áp dụng	4.077.702.574.486
NAV hiện hành/ Chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)	VND/CCQ	10.927,92	Không áp dụng	13.328,49

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)***12. Lợi nhuận chưa phân phối**

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	936.879.631.569	2.267.791.412.014
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế trong năm	761.888.351.628	(1.330.911.780.445)
<i>Trong đó</i>		
▪ Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	141.022.482.731	(281.868.903.894)
▪ Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	620.865.868.897	(1.049.042.876.551)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	1.698.767.983.197	936.879.631.569

13. Cổ tức được chia

	2023 VND	2022 VND
Cổ tức đã nhận	53.521.748.400	33.968.211.980
Dự thu cổ tức	4.980.900.000	3.476.100.000
	58.502.648.400	37.444.311.980

14. Tiền lãi được nhận

	2023 VND	2022 VND
Tiền lãi đã nhận (Thuyết minh 21)	928.458.430	1.105.936.596

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)***15. Lãi/(lỗ) từ bán các khoản đầu tư****Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong năm 2023 VND [3] = [1] – [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đầu năm VND [4]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến 31/12/2023 VND [5] = [3] + [4]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	6.006.504.907.200	5.875.746.077.247	130.758.829.953	1.227.389.918.367	1.358.148.748.320

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân VND [2]	Lỗ bán chứng khoán trong năm 2022 VND [3] = [1] – [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đầu năm VND [4]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến 31/12/2022 VND [5] = [3] + [4]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	8.025.276.358.910	8.287.026.649.849	(261.750.290.939)	1.489.140.209.306	1.227.389.918.367

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

16. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán VND [1]	Giá thị trường tại ngày 31/12/2023 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại trong năm VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	3.607.233.810.530	3.991.219.145.050	383.985.334.520	(236.880.534.377)	620.865.868.897

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán VND [1]	Giá thị trường tại ngày 31/12/2022 VND [2]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND [4]	Chênh lệch giảm đánh giá lại trong năm VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	3.534.878.882.777	3.297.998.348.400	(236.880.534.377)	812.162.342.174	(1.049.042.876.551)

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

17. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

	2023	2022
	VND	VND
Phí môi giới mua các khoản đầu tư (a)	7.931.043.880	9.405.796.484
Phí môi giới bán các khoản đầu tư (b)	8.435.939.015	10.316.829.454
Phí thanh toán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	49.213.257	51.222.021
	<hr/>	<hr/>
	16.416.196.152	19.773.847.959

(a) Chi phí môi giới mua các khoản đầu tư

	2023	2022
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	7.931.043.880	9.405.796.484
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí môi giới bán các khoản đầu tư

	2023	2022
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	8.435.939.015	10.316.829.454
	<hr/>	<hr/>

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

18. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ

	2023 VND	2022 VND
Phí dịch vụ lưu ký trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 22)	1.140.703.155	1.363.474.881
Phí dịch vụ lưu ký trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	334.095.544	326.373.169
Phí giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 22)	174.800.000	152.600.000
	<hr/>	<hr/>
	1.649.598.699	1.842.448.050

19. Chi phí hoạt động khác

	2023 VND	2022 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 22)	182.000.000	213.612.903
Bảo hiểm trách nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ	155.100.000	151.800.000
Phí ngân hàng (Thuyết minh 22)	9.120.100	8.630.179
Phí quản lý thường niên phải trả cho UBCKNN	12.500.000	7.500.000
Phí truy xuất thông tin phải trả cho Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam	1.100.000	1.100.000
	<hr/>	<hr/>
	359.820.100	382.643.082

20. Chi phí kiểm toán

	2023 VND	2022 VND
Phí dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính	209.000.000	197.130.000
	<hr/>	<hr/>

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

21. Giá trị tài sản ròng

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2023		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ
			Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
1	31/12/2022	3.319.991.546.358	303.807.914,23	10.927,92	
2	03/01/2023	3.412.773.485.031	303.807.914,23	11.233,32	305,40
3	10/01/2023	3.400.281.862.192	303.807.914,23	11.192,20	(41,12)
4	17/01/2023	3.484.873.299.070	303.807.914,23	11.470,64	278,44
5	18/01/2023	3.527.617.620.031	303.807.914,23	11.611,34	140,70
6	31/01/2023	3.598.993.982.097	303.807.914,23	11.846,28	234,94
7	07/02/2023	3.447.720.191.177	303.807.914,23	11.348,35	(497,93)
8	14/02/2023	3.339.122.493.848	303.807.914,23	10.990,90	(357,45)
9	21/02/2023	3.554.842.906.117	311.086.663,01	11.427,17	436,27
10	28/02/2023	3.333.428.562.244	311.086.663,01	10.715,43	(711,74)
11	07/03/2023	3.372.487.387.131	311.086.663,01	10.840,98	125,55
12	14/03/2023	3.466.250.297.020	320.310.921,33	10.821,51	(19,47)
13	21/03/2023	3.465.131.263.875	320.310.921,33	10.818,02	(3,49)
14	28/03/2023	3.516.929.217.980	320.310.921,33	10.979,73	161,71
15	31/03/2023	3.526.695.363.266	320.310.921,33	11.010,22	30,49
16	04/04/2023	3.594.680.671.548	320.310.921,33	11.222,47	212,25
17	11/04/2023	3.596.981.027.695	320.310.921,33	11.229,65	7,18
18	18/04/2023	3.560.766.597.949	320.310.921,33	11.116,59	(113,06)
19	25/04/2023	3.476.221.919.034	320.310.921,33	10.852,64	(263,95)
20	27/04/2023	3.499.633.157.172	320.310.921,33	10.925,73	73,09
21	30/04/2023	3.536.549.081.782	320.310.921,33	11.040,98	115,25
22	09/05/2023	3.546.435.682.727	320.310.921,33	11.071,85	30,87
23	16/05/2023	3.644.847.137.719	324.555.921,03	11.230,25	158,40
24	23/05/2023	3.661.530.142.845	324.555.921,03	11.281,66	51,41
25	30/05/2023	3.707.675.453.385	324.555.921,03	11.423,84	142,18
26	31/05/2023	3.563.414.140.976	313.055.921,03	11.382,67	(41,17)
27	06/06/2023	3.686.473.590.793	313.055.921,03	11.775,76	393,09
28	13/06/2023	3.731.365.225.914	313.055.921,03	11.919,16	143,40
29	20/06/2023	3.736.496.257.411	313.055.921,03	11.935,55	16,39
30	27/06/2023	3.842.285.065.879	313.055.921,03	12.273,47	337,92
31	30/06/2023	3.800.004.775.163	313.055.921,03	12.138,42	(135,05)
32	04/07/2023	3.831.127.631.009	313.055.921,03	12.237,83	99,41
33	11/07/2023	3.922.882.035.593	313.055.921,03	12.530,93	293,10
34	18/07/2023	3.979.309.672.862	313.055.921,03	12.711,17	180,24
35	25/07/2023	4.101.592.900.766	313.055.921,03	13.101,78	390,61
36	31/07/2023	4.209.773.400.107	313.055.921,03	13.447,35	345,57
37	01/08/2023	4.150.348.174.665	313.055.921,03	13.257,52	(189,83)
38	08/08/2023	4.199.175.161.409	313.055.921,03	13.413,49	155,97
39	15/08/2023	4.236.819.183.618	315.068.819,98	13.447,28	33,79
40	22/08/2023	4.089.920.325.580	315.068.819,98	12.981,03	(466,25)

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2023		
			Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ
41	29/08/2023	4.248.293.979.760	315.068.819,98	13.483,70	502,67
42	31/08/2023	4.345.350.566.642	315.068.819,98	13.791,75	308,05
43	05/09/2023	4.380.192.670.689	315.068.819,98	13.902,33	110,58
44	12/09/2023	4.338.797.636.829	306.068.819,98	14.175,88	273,55
45	19/09/2023	4.293.914.503.752	306.068.819,98	14.029,24	(146,64)
46	26/09/2023	3.999.168.453.162	306.068.819,98	13.066,23	(963,01)
47	30/09/2023	4.070.473.277.844	306.068.819,98	13.299,20	232,97
48	03/10/2023	3.933.376.705.992	306.068.819,98	12.851,28	(447,92)
49	10/10/2023	4.067.544.882.010	306.068.819,98	13.289,64	438,36
50	17/10/2023	3.960.516.441.375	306.068.819,98	12.939,95	(349,69)
51	24/10/2023	3.895.728.795.615	305.938.819,98	12.733,68	(206,27)
52	31/10/2023	3.566.440.637.686	305.938.819,98	11.657,36	(1.076,32)
53	07/11/2023	3.787.893.400.986	305.938.819,98	12.381,21	723,85
54	14/11/2023	3.981.644.154.040	305.938.819,98	13.014,51	633,30
55	21/11/2023	4.004.351.308.015	305.938.819,98	13.088,73	74,22
56	28/11/2023	3.907.074.380.227	305.938.819,98	12.770,77	(317,96)
57	30/11/2023	3.923.096.247.410	305.938.819,98	12.823,13	52,36
58	05/12/2023	4.017.065.840.275	305.938.819,98	13.130,29	307,16
59	12/12/2023	4.041.584.240.834	305.938.819,98	13.210,43	80,14
60	19/12/2023	3.950.929.882.337	305.938.819,98	12.914,11	(296,32)
61	26/12/2023	4.057.912.705.768	305.938.819,98	13.263,80	349,69
62	31/12/2023	4.077.702.574.486	305.938.819,98	13.328,49	64,69
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm		3.801.761.949.734	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Biến động cao nhất của NAV/CCQ trong năm		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(1.076,32)
Biến động thấp nhất của NAV/CCQ trong năm		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(3,49)

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2022		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ
			Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
1	31/12/2021	5.401.131.696.403	368.787.914,23	14.645,63	
2	04/01/2022	5.469.008.001.207	368.787.914,23	14.829,68	184,05
3	11/01/2022	5.320.403.881.627	368.787.914,23	14.426,73	(402,95)
4	18/01/2022	5.172.002.587.846	368.787.914,23	14.024,32	(402,41)
5	25/01/2022	5.364.152.829.714	368.787.914,23	14.545,35	521,03
6	27/01/2022	5.370.199.635.504	368.787.914,23	14.561,75	16,40
7	31/01/2022	5.441.232.241.420	368.787.914,23	14.754,36	192,61
8	08/02/2022	5.565.046.375.080	368.787.914,23	15.090,09	335,73
9	15/02/2022	5.475.149.184.947	368.787.914,23	14.846,33	(243,76)
10	22/02/2022	5.526.122.814.927	366.887.914,23	15.062,15	215,82
11	28/02/2022	5.545.132.139.139	366.887.914,23	15.113,96	51,81
12	01/03/2022	5.551.353.428.377	366.887.914,23	15.130,92	16,96
13	08/03/2022	5.410.085.321.501	366.887.914,23	14.745,88	(385,04)
14	15/03/2022	5.398.154.264.315	366.887.914,23	14.713,36	(32,52)
15	22/03/2022	5.514.767.301.946	362.987.914,23	15.192,70	479,34
16	29/03/2022	5.562.491.317.629	362.987.914,23	15.324,17	131,47
17	31/03/2022	5.449.607.138.288	355.387.914,23	15.334,25	10,08
18	05/04/2022	5.578.136.000.212	355.387.914,23	15.695,90	361,65
19	12/04/2022	5.391.820.897.010	355.387.914,23	15.171,64	(524,26)
20	19/04/2022	5.168.314.899.984	355.387.914,23	14.542,74	(628,90)
21	26/04/2022	4.997.739.600.685	355.387.914,23	14.062,77	(479,97)
22	30/04/2022	5.111.959.416.145	355.387.914,23	14.384,16	321,39
23	03/05/2022	5.111.607.207.197	355.387.914,23	14.383,17	(0,99)
24	10/05/2022	4.730.472.311.527	355.387.914,23	13.310,72	(1.072,45)
25	17/05/2022	4.474.862.277.581	355.387.914,23	12.591,48	(719,24)
26	24/05/2022	4.517.771.911.935	355.387.914,23	12.712,22	120,74
27	31/05/2022	4.787.069.727.905	355.387.914,23	13.469,98	757,76
28	07/06/2022	4.756.123.532.071	355.387.914,23	13.382,90	(87,08)
29	14/06/2022	4.549.384.058.786	355.387.914,23	12.801,17	(581,73)
30	21/06/2022	4.326.405.798.088	355.387.914,23	12.173,75	(627,42)
31	28/06/2022	4.543.168.485.310	355.387.914,23	12.783,68	609,93
32	30/06/2022	4.448.760.548.022	355.387.914,23	12.518,04	(265,64)
33	05/07/2022	4.391.576.796.066	355.387.914,23	12.357,13	(160,91)
34	12/07/2022	4.359.677.739.707	355.387.914,23	12.267,37	(89,76)
35	19/07/2022	4.313.459.281.197	355.387.914,23	12.137,32	(130,05)
36	26/07/2022	4.341.861.285.938	355.387.914,23	12.217,24	79,92
37	31/07/2022	4.428.278.669.442	355.387.914,23	12.460,40	243,16
38	02/08/2022	4.533.105.538.293	355.387.914,23	12.755,37	294,97
39	09/08/2022	4.616.832.206.509	355.387.914,23	12.990,96	235,59
40	16/08/2022	4.675.401.728.891	355.387.914,23	13.155,77	164,81
41	23/08/2022	4.662.707.949.645	355.007.914,23	13.134,09	(21,68)

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2022		
			Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ
42	30/08/2022	4.724.737.846.083	355.007.914,23	13.308,82	174,73
43	31/08/2022	4.740.480.182.903	355.007.914,23	13.353,16	44,34
44	06/09/2022	4.710.315.677.771	355.007.914,23	13.268,19	(84,97)
45	13/09/2022	4.609.253.182.479	355.007.914,23	12.983,52	(284,67)
46	20/09/2022	4.496.997.512.956	355.007.914,23	12.667,31	(316,21)
47	27/09/2022	4.300.000.171.755	355.007.914,23	12.112,40	(554,91)
48	30/09/2022	4.244.921.607.546	355.007.914,23	11.957,25	(155,15)
49	04/10/2022	4.024.115.822.113	355.007.914,23	11.335,28	(621,97)
50	11/10/2022	3.767.878.078.763	355.007.914,23	10.613,50	(721,78)
51	18/10/2022	3.973.438.513.770	355.007.914,23	11.192,53	579,03
52	25/10/2022	3.722.029.570.745	355.007.914,23	10.484,35	(708,18)
53	31/10/2022	3.590.744.742.981	335.007.914,23	10.718,38	234,03
54	01/11/2022	3.577.788.416.993	335.007.914,23	10.679,71	(38,67)
55	08/11/2022	3.153.615.559.562	306.007.914,23	10.305,66	(374,05)
56	15/11/2022	2.926.018.657.775	306.007.914,23	9.561,90	(743,76)
57	22/11/2022	3.071.174.882.347	306.007.914,23	10.036,25	474,35
58	29/11/2022	3.273.635.979.518	306.007.914,23	10.697,88	661,63
59	30/11/2022	3.336.617.068.207	306.007.914,23	10.903,69	205,81
60	06/12/2022	3.346.943.696.444	306.007.914,23	10.937,44	33,75
61	13/12/2022	3.419.731.098.805	306.007.914,23	11.175,30	237,86
62	20/12/2022	3.388.917.793.710	306.007.914,23	11.074,60	(100,70)
63	27/12/2022	3.307.217.781.563	306.007.914,23	10.807,62	(266,98)
64	31/12/2022	3.319.991.546.358	303.807.914,23	10.927,92	120,30
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm		4.544.249.024.730	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Biến động cao nhất của NAV/CCQ trong năm		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(1.072,45)
Biến động thấp nhất của NAV/CCQ trong năm		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(0,99)

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

22. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt

(a) Các bên liên quan

Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam – Công ty Quản lý Quỹ

	2023	2022
	VND	VND
Phí quản lý Quỹ	28.517.578.893	34.086.872.049

Theo Điều lệ Quỹ, tỷ lệ phí quản lý Quỹ là 0,75%/năm. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong năm dựa trên số ngày thực tế của chu kỳ định giá và NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong năm để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật.

Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ

	2023	2022
	VND	VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 19)	182.000.000	213.612.903

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

(b) Các hợp đồng then chốt

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) – Ngân hàng Giám sát

	2023	2022
	VND	VND
Phí dịch vụ lưu ký trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 18)	1.140.703.155	1.363.474.881
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	1.045.644.560	1.252.938.813
Thu nhập lãi tiền gửi (Thuyết minh 14)	928.458.430	1.105.936.596
Phí dịch vụ giám sát Quỹ	836.515.648	999.881.578
Phí giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 18)	174.800.000	152.600.000
Phí ngân hàng (Thuyết minh 19)	9.120.100	8.630.179

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) làm Ngân hàng Lưu ký tài sản và Giám sát hoạt động của Quỹ. Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) đồng thời được ủy quyền từ Công ty Quản lý Quỹ để cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản và phí quản trị quỹ hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng nhưng không nhỏ hơn mức phí tối thiểu và không vượt quá mức phí tối đa, cụ thể mức phí tối đa như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Phí dịch vụ giám sát (chưa bao gồm thuế GTGT – nếu có)	▪ Tối đa 0,02% NAV mỗi năm.
Phí dịch vụ lưu ký (chưa bao gồm thuế GTGT – nếu có)	▪ Tối đa 0,04% NAV mỗi năm.
Phí dịch vụ quản trị Quỹ (chưa bao gồm thuế GTGT – nếu có)	▪ Tối đa 0,06% NAV mỗi năm.
Phí giao dịch chứng khoán	▪ 100.000 VND/giao dịch.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)***23. Một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động Quỹ**

	2023	2022
I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư		
<i>Tỷ lệ chi phí hoạt động</i>		
1 Phí quản lý Quỹ/NAV bình quân trong năm của Quỹ (%)	0,75%	0,75%
2 Phí dịch vụ lưu ký và giám sát Quỹ/NAV bình quân trong năm của Quỹ (%)	0,06%	0,06%
3 (Phí dịch vụ quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các phí khác)/NAV bình quân trong năm của Quỹ (%)	0,04%	0,04%
4 Chi phí kiểm toán/NAV bình quân trong năm của Quỹ (%)	0,01%	0,00%
5 Thù lao Ban Đại diện Quỹ/NAV bình quân trong năm của Quỹ (%)	0,00%	0,00%
6 Chi phí hoạt động/NAV bình quân trong năm của Quỹ (%)	0,86%	1,29%
<i>Tốc độ vòng quay danh mục</i>		
7 Tốc độ vòng quay danh mục đầu tư trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/ NAV bình quân trong năm của Quỹ (%)	157,22%	168,32%
II Các chỉ tiêu khác		
1 Quy mô Quỹ đầu năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)		
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ lưu hành đầu năm (CCQ)	303.807.914,23	368.787.914,23
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ lưu hành đầu năm (VND)	3.038.079.142.300	3.687.879.142.300
2 Thay đổi quy mô Quỹ trong năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)		
Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành trong năm (CCQ)	22.760.905,75	-
Giá trị vốn góp phát hành trong năm (theo mệnh giá) (VND)	227.609.057.500	-
Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong năm (CCQ)	(20.630.000,00)	(64.980.000,00)
Giá trị vốn góp mua lại trong năm khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(206.300.000.000)	(649.800.000.000)
3 Quy mô Quỹ cuối năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)		
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm (CCQ)	305.938.819,98	303.807.914,23
Tổng giá trị đơn vị quỹ đang lưu hành cuối năm (VND)	3.059.388.199.800	3.038.079.142.300
4 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và các bên có liên quan cuối năm	0,002%	0,003%

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	2023	2022
5 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm	99,99%	99,99%
6 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối năm	99,97%	99,92%
7 Số nhà đầu tư tham gia vào Quỹ cuối năm	19	20
8 NAV/Chứng chỉ quỹ cuối năm	13.328,49	10.927,92

24. Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật thuế ở Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ cơ quan thuế này đến cơ quan thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm nộp thuế. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng Quỹ đã xác định đầy đủ nghĩa vụ thuế phải trả dựa trên diễn giải của họ về luật thuế bao gồm các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

25. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm cổ phiếu niêm yết, quyền mua cổ phiếu và tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần và hàng tháng. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Các cổ phiếu niêm yết của Quỹ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thị trường UPCoM hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được nhận và tiền bán chứng khoán phải thu. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 chủ yếu là chứng khoán niêm yết. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thị trường UPCoM. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền trước chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	84.305.880.000	84.305.880.000	84.305.880.000
Chi phí phải trả	278.281.952	278.281.952	278.281.952
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	2.859.927.496	2.859.927.496	2.859.927.496
Phải trả khác	591.250	591.250	591.250
	87.444.680.698	87.444.680.698	87.444.680.698

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền trước chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	41.952.140.000	41.952.140.000	41.952.140.000
Chi phí phải trả	246.660.685	246.660.685	246.660.685
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	2.400.877.242	2.400.877.242	2.400.877.242
	44.599.677.927	44.599.677.927	44.599.677.927

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là không đáng kể vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ phải trả của Quỹ có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam, cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 3.991.219.145.050 VND (31/12/2022: 3.297.998.348.400 VND). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ biến động giữa tháng có chỉ số VN-Index cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 19% (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 48%). Nếu giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Quỹ giảm hoặc tăng 19% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: 48%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 758.331.637.560 VND (31/12/2022: 1.583.039.207.232 VND).

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:</i>				
Cổ phiếu niêm yết	3.991.219.145.050	3.991.219.145.050	3.297.998.348.400	3.297.998.348.400
<i>Các khoản cho vay và phải thu:</i>				
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	137.404.877.134	137.404.877.134	47.318.902.649	47.318.902.649
Các khoản phải thu	36.523.233.000	36.523.233.000	19.297.750.000	19.297.750.000
Nợ phải trả tài chính				
<i>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	84.305.880.000	84.305.880.000	41.952.140.000	41.952.140.000
Chi phí phải trả	278.281.952	278.281.952	246.660.685	246.660.685
Phải trả dịch vụ Quản lý Quỹ	2.859.927.496	2.859.927.496	2.400.877.242	2.400.877.242
Phải trả khác	591.250	591.250	-	-

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền tại ngân hàng là giá trị ghi sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thị trường UPCoM là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của quyền mua cổ phiếu được xác định bằng hiệu số của giá thị trường của cổ phiếu tại ngày báo cáo và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

26. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến yêu cầu phải có điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

27. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

28. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 8 tháng 3 năm 2024.

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:

Bà Nguyễn Thu Ngọc
Kế toán quỹ

Người soát xét:

Bà Ninh Thị Tuệ Minh
Trưởng phòng Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

